

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2025/DS-PT

Ngày: 29/5/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và ông Trương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2025/TLPT-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thanh D (4 Kèn), sinh năm 1971 (có mặt);

1.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng cư trú: Tổ 12 ấp Hưng Thới 2, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Phú C1, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt);

2.2. Bà Phan Thị L (H), sinh năm 1978 (có mặt);

Cùng cư trú: Tổ 18 ấp Hưng Thới 2, xã Phú Hưng, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phan Thị L (H).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai của ông Nguyễn Thanh D (4 Kèn) và bà Nguyễn Thị C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Do quen biết nên ngày

02/12/2023 âl ông D, bà C có cho bà Phan Thị L (H) vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi 4,5%/tháng, đến ngày 05/12/2023 âl bà L vay thêm 300.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay vài ngày sau trả vốn và lãi. Sau đó, bà L trả vốn 29.000.000 đồng, trả lãi 3.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận, mặc dù ông D, bà C đã nhiều lần yêu cầu. Vì vậy, ông D và bà C khởi kiện yêu cầu bà L với ông C1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vốn là 500.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi phát sinh.

Đến ngày 30/12/2024 ông D, bà C rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn là 29.000.000 đồng và đồng thời rút yêu cầu đối với ông Nguyễn Phú C1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Phan Thị L trả nợ.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị L (H) trình bày: Do hàng xóm quen biết bà L có vay tiền của ông Nguyễn Thanh D (4 Kèn), bà Nguyễn Thị C, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng và bà L cho người khác vay lại, thời gian hai bên giao dịch từ năm 2023 đến nay. Hình thức vay thời gian từ 05 ngày đến 07 ngày, sau đó trả vốn trước, trả lãi sau, lãi suất 6%/tháng, việc vay nợ do bà L trực tiếp vay, ông C1 không liên quan đến vụ việc trên, khi vay tiền bà C đưa cuốn sổ cho bà L (H) tự ghi số tiền vay, ngày vay, cuốn sổ này do bà C giữ, khi trả tiền bà C gạch ngang (xóa) số tiền vay vào cuốn sổ. Đối với, số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền vay 300.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng bà L đã trả tiền vốn cho bà C xong, còn nợ tiền lãi 50.000.000 đồng, sau đó bà L trả lãi nhiều lần số tiền là 29.000.000 đồng, hiện còn nợ lãi 21.000.000 đồng. Do đó, bà L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Phú C1 trình bày: Nguyên đơn khởi kiện ông C1 và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ, ông C1 không thống nhất với lý do, ông C1 không vay tiền của nguyên đơn nên không có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227; Điều 244; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự. Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C với bà Phan Thị L đối với số tiền 29.000.000 (Hai mươi chín triệu) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Phú C1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Phan Thị L trả nợ.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C đối với bà Phan Thị L. Buộc bà Phan Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C số tiền 471.000.000 (Bốn trăm bảy mươi một triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/4/2025 bà Phan Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D, bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn bà Phan Thị L trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho vợ chồng ông D, bà C số tiền 471.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên vì bà đã trả nợ xong và không còn thiếu nợ. Bà L cung cấp tờ giấy do chính bà ghi ngày vay tiền và ngày trả tiền cho ông D, bà C đồng thời yêu cầu kiểm tra file ghi âm mà ông D đã ghi âm khi đến yêu cầu bà trả tiền và thời điểm đó bà đã không thừa nhận còn nợ tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phan Thị L (H) kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Phú C1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phú C1.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 29.000.000 đồng và rút yêu cầu buộc ông Nguyễn Phú C1 có trách nhiệm liên đới cùng bà Phan Thị L trả nợ cho nguyên đơn; đây là sự tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp và các đương sự không có kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị L (H), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng vay tài sản: Bị đơn bà L thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông D và bà C số tiền 200.000.000 đồng và vay 300.000.000 đồng, tổng 02 lần vay là 500.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay từ 05 ngày đến 07 ngày, đã trả đủ tiền vốn là 500.000.000 đồng, nợ tiền lãi 50.000.000 đồng, bà L đã trả lãi nhiều lần số tiền là 29.000.000 đồng, hiện còn nợ tiền lãi là 21.000.000 đồng nên không còn nợ tiền vốn. Tuy nhiên, trình bày của bà L không được nguyên đơn thừa nhận và bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định giữa ông D, bà C với bà L có xác lập hợp đồng vay tài sản phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng vay: Quá trình tố tụng, các bên đều thống nhất bà L có vay của ông D, bà C số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L cho rằng đã trả xong số tiền vay 500.000.000 đồng; còn số tiền 29.000.000 đồng là trả cho khoản tiền lãi 50.000.000 đồng, hiện bà chỉ còn nợ số tiền lãi 21.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Mặt khác, bà L cho rằng khi trả nợ thì ông D, bà C sẽ gạch ngang (xoá) số tiền đã trả trong cuốn sổ do bà C giữ. Lẽ ra, khi trả nợ, bà L phải yêu cầu ông D, bà C gạch ngang (xoá) số tiền ghi trong cuốn sổ nợ hoặc tiêu huỷ giấy nợ trên hoặc yêu cầu nguyên đơn phải viết giấy nhận tiền đã trả mới hợp lý. Vì vậy, bà L cho rằng chỉ còn nợ số tiền lãi 21.000.000 đồng là không có căn cứ.

[2.3] Về lãi suất: Bà L cho rằng ông D, bà C cho vay lãi suất 6%/tháng, nhưng ông D, bà C chỉ thừa nhận 4,5%/tháng, sổ nhận nợ không thể hiện lãi suất. Xét thấy, việc ông D, bà C cho vay lãi suất 4,5%/tháng là quá cao so với quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, theo trình bày của nguyên đơn, từ thời điểm cho vay ngày 02/12/2023 cho đến nay, bà L chỉ trả lãi tổng cộng là 3.000.000 đồng. Xét thấy, đối với phần tiền lãi trên không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và ông D, bà C khởi kiện cũng không yêu cầu tính lãi nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[2.4] Từ những phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 471.000.000 đồng là có căn cứ. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn bà L kháng cáo và cung cấp chứng cứ là tờ giấy viết tay do đích thân bà L ghi lại cụ thể từng ngày vay, số tiền đã vay của vợ chồng ông D, bà C cũng như ngày trả, ngày đóng lãi. Tuy nhiên, tờ giấy này do chính bà L ghi, không có xác nhận và cũng

không được nguyên đơn thừa nhận. Hơn nữa, các ngày vay tiền này cũng không phù hợp với 02 ngày (ngày 02, 05/12/2023 âl) theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, đối với yêu cầu kiểm tra file ghi âm, Hội đồng xét xử xét thấy, bà L cũng thừa nhận rằng khi ông D đến yêu cầu bà trả tiền, có ghi âm lại nhưng khi đó bà không thừa nhận còn nợ tiền và ông D không đồng ý nên đã khởi kiện đến Tòa án. Do vậy, các chứng cứ trên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.5] Như vậy, bà L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới; do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị L (H). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 228, Điều 244, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C với bà Phan Thị L đối với số tiền 29.000.000 đồng (hai mươi chín triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Phú C1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà Phan Thị L trả nợ.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C đối với bà Phan Thị L. Buộc bà Phan Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C số tiền 471.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị L phải chịu 22.840.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm bốn mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) cho ông Nguyễn Thanh D và bà Nguyễn Thị C theo Biên lai thu số 0011421 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

4.2. Dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị L (H) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0011991 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Đường sự “Đề thi hành”;
- Văn phòng; Tòa Dân sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng